

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ L
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/HNGĐ-ST
Ngày 11-01-2022
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Chiền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Hùng Bích

2. Ông Lê Thành Thật

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trương Phi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Kiều Văn Liêu - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 438/2021/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 10 năm 2021 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 423/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 03 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 432/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 21 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Ngô Thị L, sinh năm 1977

Cư trú: tổ X, khóm T, phường H, thành phố L, tỉnh An Giang. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Lý Ngọc A, sinh năm 1977

Cư trú: đường B, khóm Đ, phường X, thành phố L, tỉnh An Giang. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai, quá trình giải quyết nguyên đơn bà Ngô Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông A tự nguyện tìm hiểu sau đó tiến đến hôn nhân vào năm 1998, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại ủy ban nhân dân phường X, thành phố L, tỉnh An Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 71/MX, quyển số 01/08, ngày 30/6/2008. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng từ khi bà L sinh con thứ hai thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, có nhiều bất đồng về quan điểm sống, nguyên nhân do ông A có người phụ nữ khác nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc và đã sống ly thân từ đó đến nay. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân đã trầm trọng không thể hàn gắn và kéo dài nên bà yêu cầu được ly hôn với ông A.

Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên Ngô Ngọc T, sinh năm 1999 và Lý Ngọc Bảo L, sinh ngày 06/10/2008. Sau khi ly hôn, bà L yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung Lý Ngọc Bảo L; bà L không yêu cầu ông A phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với, Ngô Ngọc T hiện đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Lý Ngọc A vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của bà L. Tại phiên tòa, ông A tiếp tục vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Ngô Thị L; về con chung, giao con chung Lý Ngọc Bảo L cho bà L tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; đối với, Ngô Ngọc T hiện đã trưởng thành, có khả năng lao động không yêu cầu nên không xem xét. Về cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết nên không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Ngô Thị L khởi kiện tranh chấp ly hôn với ông Lý Ngọc A. Theo phiếu xác minh ngày 20/10/2021 do Công an phường X cung cấp

ông A cư trú tại khóm Đ, phường X, thành phố L, tỉnh An Giang, nên Tòa án nhân dân thành phố L thụ lý giải quyết là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông A được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Bà L và ông A tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại ủy ban nhân dân phường X, thành phố L, tỉnh An Giang ngày 30/6/2008 nên được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Quá trình giải quyết, bà L xác định không còn tình cảm với ông A, vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng nên bà yêu cầu ly hôn. Ông A vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của bà L về tranh chấp ly hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung; không cung cấp, giao nộp chứng cứ. Tại phiên tòa, ông A tiếp tục vắng mặt không lý do, thể hiện ông A không có thiện chí hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng, chứng tỏ tình trạng hôn nhân của ông bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì sẽ không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L.

[3] Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên Ngô Ngọc T, sinh năm 1999 và Lý Ngọc Bảo L, sinh ngày 06/10/2008. Xét thấy, hiện cháu Lý Ngọc Bảo L đang sống cùng bà L, hơn nữa cháu cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng mẹ. Do đó, để ổn định cuộc sống và đảm bảo cho cháu phát triển tốt về mọi mặt khi bà L và ông A ly hôn, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L của bà L. Đối với, Ngô Ngọc T đã trưởng thành và có khả năng lao động, không yêu cầu nên không xem xét.

Về cấp dưỡng nuôi con, cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, đây là quyền lợi của con chưa thành niên. Tuy nhiên, bà L là người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn, không yêu cầu ông A phải cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Bà L phải tạo điều kiện cho ông A được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung Lý Ngọc Bảo L. Việc nuôi con không cố định.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông A không có văn bản trình bày ý kiến về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử chưa giải quyết. Đương sự có tranh chấp, khởi kiện vụ kiện khác theo quy định.

[5] Về án phí: Bà Ngô Thị L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị L.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị L được ly hôn ông Lý Ngọc A.

- Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên Ngô Ngọc T, sinh năm 1999 và Lý Ngọc Bảo L, sinh ngày 06/10/2008.

Bà L được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung Lý Ngọc Bảo L. Ông A không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do bà L không yêu cầu. Đối với, Ngô Ngọc T đã trưởng thành và có khả năng lao động, không yêu cầu nên không xem xét.

Bà L phải tạo điều kiện cho ông A được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Lý Ngọc Bảo L. Việc nuôi con không cố định.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Bà Ngô Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000622, ngày 19/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L. Bà L đã nộp đủ tiền án phí.

Bà Ngô Thị L và ông Lý Ngọc A được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh An Giang;
- VKS ND TPL;
- Thi hành án DS TPL;
- UBND phường X;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng./.

Hà Thị Chiền